

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5/1
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 17

Họ và tên GVCN: **Phạm Thị Hạnh**

Bảo mẫu: **Trần Thị Huế**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	NGUYỄN LÊ HOÀI	ANH	12/03/2012	TP. HCM	NỮ	
2	BÙI DIỆU	ÂN	23/02/2012	Hà Nội	NỮ	
3	ĐINH GIA	BẢO	08/07/2012	TP. HCM	NAM	
4	TRẦN LÊ ANH	DUY	19/09/2012	TP. HCM	NAM	
5	LÊ MINH	ĐỨC	27/03/2012	TP. HCM	NAM	
6	NGÔ NGỌC	HÂN	19/08/2012	TP. HCM	NỮ	
7	LÃ VIỆT	HOÀNG	10/10/2012	TP. HCM	NAM	
8	LÊ THỊ KIM	HỒNG	18/11/2012	TP. HCM	NỮ	
9	NGUYỄN HOÀNG	KHẢI	04/06/2012	TP. HCM	NAM	
10	LÊ NGUYỄN MAI	KHANH	14/04/2012	TP. HCM	NỮ	
11	PHẠM HOÀNG BẢO	KHÁNH	03/03/2012	TP. HCM	NAM	
12	NGUYỄN KHÁNH	LÂM	03/07/2012	TP. HCM	NAM	
13	LÂM GIA	LINH	14/01/2012	TP. HCM	NỮ	
14	TÔ VŨ NGỌC	LINH	06/01/2012	TP. HCM	NỮ	
15	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	LINH	29/11/2012	TP. HCM	NỮ	
16	NGÔ TRƯỜNG	LONG	15/09/2012	Bến Tre	NAM	
17	NGUYỄN ĐỨC	LONG	11/08/2012	TP. HCM	NAM	
18	NGUYỄN LỮ PHÚ	LONG	30/05/2012	TP. HCM	NAM	
19	TẠ HOÀNG BẢO	LONG	17/03/2012	TP. HCM	NAM	
20	ĐẶNG PHÚC	MINH	20/04/2012	TP. HCM	NỮ	
21	NGUYỄN THÁI PHƯƠNG	NGUYỄN	26/10/2012	TP. HCM	NỮ	
22	NGUYỄN NGỌC THẢO	NHƯ	27/01/2012	TP. HCM	NỮ	
23	ĐẶNG HOÀNG	PHONG	09/10/2012	TP. HCM	NAM	
24	TRẦN ĐÌNH	PHÚC	21/04/2012	TP. HCM	NAM	
25	NGUYỄN LÊ TRỌNG	PHÚC	26/10/2012	TP. HCM	NAM	
26	TRẦN MINH	QUÂN	28/06/2012	TP. HCM	NAM	
27	CAO HUY	THẮNG	22/12/2012	TP. HCM	NAM	
28	HUỖNH HOÀNG	THIÊN	07/05/2012	TP. HCM	NAM	
29	NGUYỄN CHÍ	THIÊN	08/07/2012	TP. HCM	NAM	
30	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	THY	29/05/2012	TP. HCM	NỮ	
31	NGÔ HOÀNG THỦY	TIÊN	01/01/2012	TP. HCM	NỮ	
32	LÊ NGỌC HƯƠNG	TRÀ	22/02/2012	TP. HCM	NỮ	
33	NGUYỄN THANH THẢO	TRÂM	23/10/2012	TP. HCM	NỮ	
34	TRẦN NHÃ	VĂN	27/04/2012	TP. HCM	NỮ	
35	TRẦN TƯỜNG	VĂN	23/10/2012	TP. HCM	NỮ	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
HIM LAM
CHỖ
HỌ TÊN

Trần Sĩ Thủy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5/2
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 19

Họ và tên GVCN: **Bùi Thị Huyền**

Bảo mẫu: **Nguyễn Thị Ngọc Ánh**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	PHẠM BẢO	AN	12/05/2012	TP. HCM	NỮ	
2	HUỖNH	ANH	01/09/2012	Bình Dương	NAM	
3	NGÔ QUỲNH	ANH	12/12/2012	TP. HCM	NỮ	
4	NGUYỄN THUỶ	ANH	22/07/2012	TP. HCM	NỮ	
5	NGUYỄN TRẦN GIA	BÌNH	20/02/2012	TP. HCM	NỮ	
6	NGUYỄN PHƯƠNG KHÁNH	CHI	19/09/2012	TP. HCM	NỮ	
7	TRẦN TIẾN	ĐẠT	20/07/2012	TP. HCM	NAM	
8	NGUYỄN TRỌNG MINH	ĐĂNG	13/11/2013	TP. HCM	NAM	
9	PHAN NGUYỄN GIA	HÂN	09/05/2012	TP. HCM	NỮ	
10	TRẦN NGUYỄN GIA	HÂN	22/10/2012	Tiền Giang	NỮ	
11	ĐOÀN TUẤN	HUY	18/07/2012	TP. HCM	NAM	
12	ĐẶNG THỜI	HÙNG	11/01/2012	TP. HCM	NAM	
13	LÊ HÀ QUỐC	HÙNG	04/07/2012	Cần Thơ	NAM	
14	NGUYỄN TẤN	KHANG	19/01/2012	TP. HCM	NAM	
15	VÕ PHAN MINH	KHANG	28/01/2012	TP. HCM	NAM	
16	VÕ THỤY	KHANH	22/02/2012	TP. HCM	NỮ	
17	BÙI MINH	KHÁNH	09/09/2012	TP. HCM	NAM	
18	HOÀNG BẢO	KHÁNH	09/01/2012	Phú Thọ	NAM	
19	NGUYỄN BẢO	KHÁNH	18/09/2012	Hải Phòng	NỮ	
20	NGUYỄN LÊ NGỌC	LINH	06/06/2012	Cần Thơ	NỮ	
21	HOÀNG BẢO	LONG	14/01/2012	TP. HCM	NAM	
22	KHÔNG DUY NHẬT	LONG	17/10/2012	TP. HCM	NAM	
23	LÝ HOÀNG	LONG	19/08/2012	TP. HCM	NAM	
24	VÕ KIM	NGA	01/02/2012	TP. HCM	NỮ	
25	LÊ MINH BẢO	NGỌC	13/05/2012	TP. HCM	NỮ	
26	ĐẶNG KHAI	NGUYỄN	24/12/2012	TP. HCM	NAM	
27	TRẦN GIA KHÁNH	NHI	02/09/2012	TP. HCM	NỮ	
28	BÀNH MỸ	QUYÊN	14/11/2012	TP. HCM	NỮ	
29	LƯU KHÔNG DUY	THÀNH	25/10/2012	TP. HCM	NAM	
30	LÊ NHẬT	THIÊN	19/03/2012	TP. HCM	NAM	
31	LÊ KIM	THỦY	23/04/2012	TP. HCM	NỮ	
32	LÂM MINH	TUẤN	27/05/2012	TP. HCM	NAM	
33	NGÔ CHÂU BẢO	UYÊN	24/05/2012	TP. HCM	NỮ	
34	CAO HÀ PHƯƠNG	VY	12/01/2012	TP. HCM	NỮ	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022



Trần Sĩ Thy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5/3
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 14

Họ và tên GVCN: **Nguyễn Thị Phương Mai**

Bảo mẫu: **Nguyễn Thị Vân**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	NGUYỄN THÁI AN	AN	04/06/2012	TP. HCM	NỮ	
2	NGUYỄN PHẠM QUỲNH	ANH	30/09/2012	TP. HCM	NỮ	
3	TRẦN HÀ	ANH	26/08/2012	Nam Định	NỮ	
4	TRẦN NGỌC CHÂU	ANH	20/09/2012	TP. HCM	NỮ	
5	HOÀNG THÙY	DUNG	02/11/2012	TP. HCM	NỮ	
6	TRẦN THỰC	ĐOAN	25/02/2012	TP. HCM	NỮ	
7	DOÃN DƯƠNG THẾ	GIANG	26/09/2012	TP. HCM	NAM	
8	TRẦN NGUYỄN QUỲNH	GIANG	12/02/2012	TP. HCM	NỮ	
9	NGUYỄN NHẬT	HÀO	30/12/2012	Đồng Tháp	NAM	
10	CHÂU GIA	HÂN	06/07/2012	TP. HCM	NỮ	
11	NGUYỄN NHẬT	KHANG	22/09/2012	TP. HCM	NAM	
12	TÔ PHÚC NGUYỄN	KHANG	09/10/2012	TP. HCM	NAM	
13	BÙI HOÀNG	KHÔI	17/05/2012	TP. HCM	NAM	
14	LÀU HÙNG TUẤN	KHÔI	04/01/2012	TP. HCM	NAM	
15	NGUYỄN THANH	LÂM	13/10/2012	TP. HCM	NAM	
16	PHẠM	LONG	15/03/2012	TP. HCM	NAM	
17	VÕ MINH	LONG	01/03/2012	TP. HCM	NAM	
18	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	MINH	30/08/2012	TP. HCM	NỮ	
19	CHƯƠNG TUỆ	NGHI	21/05/2012	TP. HCM	NỮ	
20	NGUYỄN PHÚC AN	NGHI	31/07/2012	Tiền Giang	NỮ	
21	HOÀNG TRẦN NHƯ	NGỌC	14/12/2012	TP. HCM	NỮ	
22	NGUYỄN TRƯƠNG NHƯ	NGỌC	13/01/2012	TP. HCM	NỮ	
23	NGUYỄN DUY	NGUYỄN	10/12/2012	TP. HCM	NAM	
24	VÕ THÀNH	NHÂN	10/07/2012	TP. HCM	NAM	
25	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	04/05/2012	TP. HCM	NAM	
26	LA HOÀNG	PHÚC	14/04/2012	TP. HCM	NAM	
27	LÊ HOÀNG	SƠN	22/12/2012	TP. HCM	NAM	
28	BÙI NGUYỄN MAI	THANH	10/07/2012	TP. HCM	NỮ	
29	ĐỖ THỊ MINH	THẢO	11/01/2012	TP. HCM	NỮ	
30	PHAN MINH	THIÊN	04/08/2012	TP. HCM	NAM	
31	PHAN GIA	THỊNH	15/02/2012	TP. HCM	NAM	
32	VÕ BÙI BẢO	TRẦN	11/07/2012	TP. HCM	NỮ	
33	HOÀNG ĐỨC	TRƯỜNG	12/09/2012	Hà Nội	NAM	
34	LÊ NGUYỄN TƯỜNG	VÂN	02/10/2012	TP. HCM	NỮ	
35	NGUYỄN QUANG	VINH	17/09/2012	TP. HCM	NAM	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022



Trần Sĩ Thủy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5/4
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 16

Họ và tên GVCN: **Nguyễn Hữu Lộc**

Bảo mẫu: **Lê Thị Minh Phương**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc
2	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	02/12/2012	TP. HCM	NỮ	
1	PHAN	ÂN	24/11/2012	TP. HCM	NAM	
3	NGÔ QUỐC	BẢO	15/11/2012	TP. HCM	NAM	
4	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	09/04/2012	TP. HCM	NỮ	
5	NGUYỄN THÀNH	DANH	12/03/2012	TP. HCM	NAM	
6	HOÀNG THỊ HƯƠNG	GIANG	04/07/2012	TP. HCM	NỮ	
7	GIAO QUỲNH	GIAO	26/03/2012	TP. HCM	NỮ	
8	DƯ GIA	HÂN	16/10/2012	TP. HCM	NỮ	
9	ĐẶNG THÁI	HÒA	14/11/2012	TP. HCM	NAM	
11	HÀ TẤN	HUY	16/12/2012	TP. HCM	NAM	
12	LÊ MINH	HUY	04/06/2012	TP. HCM	NAM	
10	NGUYỄN TẤN	HÙNG	17/07/2012	TP. HCM	NAM	
13	ĐOÀN LÊ TRỌNG	KHANG	02/11/2012	TP. HCM	NAM	
14	NGUYỄN MINH	KHÔI	08/09/2012	TP. HCM	NAM	
15	HUỲNH TUỆ	LÂM	02/01/2012	TP. HCM	NỮ	
16	PHẠM NGỌC	LINH	14/04/2012	TP. HCM	NỮ	
17	VŨ LÊ HOÀNG HÀ	LINH	20/06/2012	TP. HCM	NỮ	
19	LÊ MINH	LONG	01/04/2012	TP. HCM	NAM	
18	NGUYỄN DUY	LONG	12/08/2012	TP. HCM	NAM	
20	NGUYỄN HOÀNG	MINH	12/12/2012	TP. HCM	NAM	
21	TĂNG HỮU	MINH	31/05/2012	TP. HCM	NAM	
22	LÝ THANH	MY	23/09/2012	TP. HCM	NỮ	
23	NGUYỄN PHÚ	NAM	14/11/2012	TP. HCM	NAM	
24	NGUYỄN HOÀNG TUYẾT	NGHI	01/02/2012	TP. HCM	NỮ	
25	TRẦN NGUYỄN BẢO	NGỌC	04/10/2012	TP. HCM	NỮ	
26	ĐỖ KHẮC THIỆN	NHÂN	14/09/2012	TP. HCM	NAM	
27	LƯƠNG ĐĂNG	NHẬT	26/03/2012	Quảng Bình	NAM	
28	TRẦN VÕ KHÁNH	NHI	10/03/2012	TP. HCM	NỮ	
29	TRẦN LÊ HOÀNG	PHÚC	20/05/2012	TP. HCM	NAM	
30	THÁI	THANH	06/07/2012	TP. HCM	NỮ	
31	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	THẢO	20/01/2012	Quảng Nam	NỮ	
32	NGUYỄN THÊ	TRÍ	23/08/2012	TP. HCM	NAM	
33	VŨ ĐĂNG	VINH	05/04/2012	TP. HCM	NAM	
34	HOÀNG NGUYỄN TUỜNG	VY	17/12/2012	TP. HCM	NỮ	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022



Trần Sĩ Thủy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5/5
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 20

Họ và tên GVCN: **Lê Minh Hoàng**

Bảo mẫu: **Kiều Thị Bích Công**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	NGUYỄN NGỌC BẢO	ANH	14/02/2012	TP. HCM	NỮ	
2	TẶNG TUỆ	ANH	13/10/2012	TP. HCM	NỮ	
3	CHIÊM NHUẬN	BẢO	23/05/2012	TP. HCM	NAM	
4	THẠCH KIM	BÍCH	16/03/2012	TP. HCM	NỮ	
5	TRƯƠNG NGUYỄN NHẬT	BÌNH	05/11/2012	TP. HCM	NỮ	
6	ĐINH TÔ GIA	BỬU	11/07/2012	TP. HCM	NỮ	
7	HUỲNH PHÁT	ĐẠT	02/04/2012	TP. HCM	NAM	
8	HUỲNH KIM	HẢI	07/01/2012	TP. HCM	NAM	
9	ÂU NHÃ	HI	05/03/2012	TP. HCM	NỮ	
10	ĐÀO DUY	HƯNG	06/02/2012	TP. HCM	NAM	
11	NGUYỄN DUY GIA	HƯNG	24/04/2012	TP. HCM	NAM	
12	NGUYỄN GIA	KHÁNH	04/12/2012	TP. HCM	NAM	
13	HỒ VĨNH	KHIÊM	04/11/2012	TP. HCM	NAM	
14	ĐỖ ĐĂNG	KHOA	06/04/2012	TP. HCM	NAM	
15	NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG	KHÔI	16/04/2012	TP. HCM	NAM	
16	HỒ HOÀNG	KIM	25/06/2012	TP. HCM	NỮ	
17	NGUYỄN LƯU NGỌC	LINH	17/12/2012	TP. HCM	NỮ	
18	THẠCH HOÀNG	MỸ	18/09/2012	TP. HCM	NỮ	
19	ÂU GIA	NGÂN	04/05/2012	TP. HCM	NỮ	
20	LÊ TRẦN BẢO	NGỌC	13/12/2012	TP. HCM	NỮ	
21	ĐÀO NGỌC	NHÂN	30/12/2012	TP. HCM	NAM	
22	TRẦN TUYẾT	NHI	29/09/2012	TP. HCM	NỮ	
23	NGUYỄN TRẦN TẤN	PHÁT	16/03/2012	TP. HCM	NAM	
24	PHẠM VÕ THÀNH	PHÁT	01/07/2012	TP. HCM	NAM	
25	NGUYỄN TRUNG	QUÂN	06/10/2012	TP. HCM	NAM	
26	TÔ TRÚC	THANH	17/03/2012	TP. HCM	NỮ	
27	NGUYỄN HỮU	THIỆN	26/04/2012	TP. HCM	NAM	
28	ĐÀO MINH	TRÍ	29/04/2012	TP. HCM	NAM	
29	NGUYỄN MINH	TRÍ	19/12/2012	TP. HCM	NAM	
30	VÕ NGUYỄN THANH	TRÚC	27/10/2012	TP. HCM	NỮ	
31	LÊ NHẬT	VI	01/11/2012	Quảng Ngãi	NỮ	
32	NGUYỄN TUẤN	VĨ	14/04/2012	TP. HCM	NAM	

Quận 6 ngày 12 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Trần Sĩ Thy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 4/5
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 06

Họ và tên GVCN: **Nguyễn Kim Ngân**

Bảo mẫu: **Nguyễn Thị An**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	LÊ PHẠM PHÚ	AN	14/07/2013	TP. HCM	NAM	
2	NGUYỄN NGỌC HẢI	ANH	21/01/2013	TP. HCM	NAM	
3	TRẦN KHÁNH	CHI	05/06/2013	TP. HCM	NỮ	
4	NGUYỄN TRẦN LINH	ĐAN	01/11/2013	Hà Nội	NỮ	
5	ĐINH HUYỀN HOÀI	GIANG	21/05/2013	TP. HCM	NỮ	
6	NGUYỄN NGỌC	HÂN	28/08/2013	TP. HCM	NỮ	
7	NGUYỄN TẤN BẢO	KHANG	05/11/2013	TP. HCM	NAM	
8	HUỶNH SỸ	LÂM	15/01/2013	TP. HCM	NAM	
9	PHAN PHƯƠNG	LINH	03/03/2013	TP. HCM	NỮ	
10	TRƯƠNG TIẾN	MẠNH	04/01/2013	TP. HCM	NAM	
11	NGUYỄN NGỌC	MINH	11/01/2013	TP. HCM	NỮ	
12	MAI VŨ KHÁNH	NGHI	18/06/2013	TP. HCM	NỮ	
13	NGUYỄN VŨ BẢO	NGỌC	24/04/2013	TP. HCM	NỮ	
14	MAI ĐẶNG AN	NHIÊN	25/10/2013	TP. HCM	NỮ	
15	VƯƠNG NGỌC YẾN	OANH	29/01/2013	TP. HCM	NỮ	
16	HÀ GIA	PHÁT	09/03/2013	TP. HCM	NAM	
17	NGUYỄN BẢO	PHÚC	14/06/2013	TP. HCM	NAM	
18	LÂM MINH	QUANG	24/01/2013	TP. HCM	NAM	
19	MAI XUÂN	QUÝ	24/10/2013	TP. HCM	NAM	
20	NGUYỄN NGỌC	SANG	06/03/2013	TP. HCM	NAM	
21	VŨ ANH	TÀI	24/11/2013	TP. HCM	NAM	
22	NGUYỄN ÁNH NGUYỆT	TÂM	08/12/2013	TP. HCM	NỮ	
23	ĐẶNG PHÚC KHÁNH	THÀNH	01/02/2013	TP. HCM	NAM	
24	TRẦN TUẤN	THỊNH	21/08/2013	TP. HCM	NAM	
25	NGUYỄN MINH	TIẾN	02/03/2013	TP. HCM	NAM	
26	VĂN AN	TƯỜNG	10/05/2013	TP. HCM	NỮ	
27	NGUYỄN HỒ QUANG	TỶ	11/01/2013	TP. HCM	NAM	
28	ĐOÀN NGỌC THANH	VÂN	09/01/2013	TP. HCM	NỮ	
29	NGUYỄN NGỌC MINH	VY	10/11/2013	TP. HCM	NỮ	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022



Trần Sĩ Thủy

Họ và tên GVCN: **Nguyễn Anh Vũ**

Bảo mẫu: Quang Lê Trinh

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	NGUYỄN HOÀNG THÁI	AN	16/05/2013	TP. HCM	NỮ	
2	NGUYỄN HUỲNH BẢO	ANH	27/05/2013	TP. HCM	NỮ	
3	PHAN MINH	ÁNH	02/02/2013	TP. HCM	NỮ	
4	BÙI VŨ HOÀNG	CHÂU	07/08/2013	TP. HCM	NỮ	
5	PHẠM XUÂN TRÚC	CHI	21/02/2013	TP. HCM	NỮ	
6	NGUYỄN ĐAN	DI	07/11/2013	TP. HCM	NỮ	
7	LÊ QUANG	HẢI	10/06/2013	TP. HCM	NAM	
8	TRẦN NGỌC GIA	HÂN	01/05/2013	Tây Ninh	NỮ	
9	NGÔ NGUYỄN NHẬT	KHANG	08/07/2013	TP. HCM	NAM	
10	NGUYỄN NGỌC BẢO	LAM	21/05/2013	Vĩnh Long	NỮ	
11	PHẠM PHÚC	LÂM	15/04/2013	TP. HCM	NAM	
12	NGUYỄN HOÀNG PHI	LONG	15/07/2013	TP. HCM	NAM	
13	CAO TUỆ	MÃN	01/11/2013	TP. HCM	NỮ	
14	NGUYỄN HÀ	MY	01/04/2013	TP. HCM	NỮ	
15	NGUYỄN NHÂN	NAM	12/05/2013	TP. HCM	NAM	
16	PHAN NGỌC KIM	NGÂN	02/01/2013	TP. HCM	NỮ	
17	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHI	14/04/2013	TP. HCM	NỮ	
18	LÊ HÀ	NHUNG	22/12/2013	TP. HCM	NỮ	
19	NGUYỄN HOÀNG	PHÁT	24/09/2013	Hà Nội	NAM	
20	LÊ HUỲNH THIÊN	PHÚ	28/03/2013	TP. HCM	NAM	
21	LÊ ĐỖ NGUYỄN	PHƯƠNG	09/12/2013	TP. HCM	NỮ	
22	MAI NGUYỄN TRÍ	TÂM	02/12/2013	TP. HCM	NAM	
23	NGUYỄN VY	THẢO	22/11/2013	TP. HCM	NỮ	
24	HOÀNG VĂN	THUẬN	14/01/2013	TP. HCM	NAM	
25	NGUYỄN MINH	TIẾN	19/11/2013	TP. HCM	NAM	
26	NGUYỄN VƯƠNG ANH	TÍN	22/07/2013	Cần Thơ	NAM	
27	ĐINH THUY	TRÂN	27/12/2013	TP. HCM	NỮ	
28	TÔ BẢO	VÂN	23/09/2013	TP. HCM	NỮ	
29	NGÔ HOÀNG	VINH	23/09/2013	TP. HCM	NAM	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trần Sĩ Thy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 4/3
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 10

Họ và tên GVCN: **Vũ Thị Kim Oanh**

Bảo mẫu: **Nguyễn Thị Thanh Vân**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	CHU KỲ	AN	18/02/2013	Hà Nội	NỮ	
2	LÊ NGỌC PHƯƠNG	ANH	04/11/2013	TP. HCM	NỮ	
3	CHEN NGUỒNG	ÂN	28/01/2013	TP. HCM	NỮ	
4	PHẠM THIÊN	BẢO	06/12/2013	TP. HCM	NAM	
5	CAO HOÀNG BẢO	CHÂU	06/12/2013	TP. HCM	NỮ	
6	ĐÀO LÊ BẢO	CHÂU	17/01/2013	TP. HCM	NỮ	
7	PHAN HÀ THỦY	DƯƠNG	18/04/2013	TP. HCM	NỮ	
8	NGUYỄN PHÁT	ĐẠT	12/04/2013	TP. HCM	NAM	
9	THẠCH NHƯ	HÀ	15/06/2013	TP. HCM	NỮ	
10	ĐỒNG GIA	HÂN	15/01/2013	TP. HCM	NỮ	
11	TRẦN TRƯỜNG	HUY	12/08/2013	TP. HCM	NAM	
12	MAI VĂN	HUNG	13/10/2013	Bình Định	NAM	
13	VÕ ĐỨC	KHANG	14/09/2013	TP. HCM	NAM	
14	VŨ HOÀNG	KHANG	11/12/2013	TP. HCM	NAM	
15	NGUYỄN DƯƠNG QUỐC	KIỆT	26/07/2013	TP. HCM	NAM	
16	NGUYỄN HOÀNG	LỘC	02/01/2013	TP. HCM	NAM	
17	NGUYỄN THỊ GIA	MÃN	13/11/2013	TP. HCM	NỮ	
18	PHẠM THẢO	MY	08/07/2013	TP. HCM	NỮ	
19	NGUYỄN ĐÀO KIM	NGÂN	18/09/2013	TP. HCM	NỮ	
20	NGUYỄN GIA	NGHI	16/12/2013	TP. HCM	NỮ	
21	TRƯƠNG MỸ	NGỌC	27/03/2013	TP. HCM	NỮ	
22	NGUYỄN NGỌC THỊNH	PHÁT	05/11/2013	TP. HCM	NAM	
23	LIÊU HUỖNH HÂN	PHONG	16/06/2013	TP. HCM	NAM	
24	PHẠM THIÊN	PHÚC	22/04/2013	TP. HCM	NAM	
25	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	TÂM	19/08/2013	TP. HCM	NỮ	
26	NGUYỄN VĂN	TƯỜNG	10/07/2013	TP. HCM	NAM	
27	PHẠM MINH	TRÍ	06/01/2013	TP. HCM	NAM	
28	TRẦN HUỖNH KHÁNH	VÂN	23/07/2013	TP. HCM	NỮ	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Trần Sĩ Thy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 4/2
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 21

Họ và tên GVCN: **Phạm Huỳnh Quốc**

Bảo mẫu: **Lê Thị Thanh Thúy**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	BÙI HOÀI	AN	19/02/2013	TP. HCM	NỮ	
2	CHÂU NGUYỄN MINH	ANH	31/08/2013	TP. HCM	NỮ	
3	ĐƯƠNG HÙNG	ANH	14/01/2013	TP. HCM	NAM	
4	TRẦN MAI	ANH	27/01/2013	TP. HCM	NỮ	
5	TRẦN NGỌC BẢO	ANH	18/10/2013	TP. HCM	NỮ	
6	TRẦN NGUYỄN GIA	BẢO	25/03/2013	TP. HCM	NAM	
7	ĐÀO HỒNG BẢO	CHÂU	21/02/2013	TP. HCM	NỮ	
8	CAO MINH CHÍ	DŨNG	22/11/2013	TP. HCM	NAM	
9	NGUYỄN LƯƠNG PHƯƠNG	DUY	22/05/2013	TP. HCM	NAM	
10	ĐỖ ANH	ĐỨC	09/01/2013	TP. HCM	NAM	
11	VÕ TRƯỜNG	GIANG	19/10/2013	TP. HCM	NAM	
12	BÙI NGUYỄN GIA	HÂN	06/07/2013	TP. HCM	NỮ	
13	LÊ	HUY	31/07/2013	TP. HCM	NAM	
14	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	25/04/2013	Vĩnh Long	NỮ	
15	NGUYỄN KHANG	HY	04/05/2013	TP. HCM	NAM	
16	NGUYỄN TRẦN BẢO	KHANG	03/10/2013	TP. HCM	NAM	
17	TRẦN NHÃ	KHANH	21/05/2013	TP. HCM	NỮ	
18	ĐỖ KHÔI	KIÊN	03/10/2013	TP. HCM	NAM	
19	TRƯƠNG TUẤN	KIỆT	02/07/2013	TP. HCM	NAM	
20	LÝ MẠNH	KỶ	14/03/2013	TP. HCM	NAM	
21	TRỊNH HỒNG VÂN	LAM	03/05/2013	TP. HCM	NỮ	
22	THÁI HÀN BẢO	LÂM	29/03/2013	TP. HCM	NAM	
23	TRẦN NHẬT KHÁNH	LINH	01/05/2013	TP. HCM	NỮ	
24	VŨ ĐỨC GIA	LONG	20/12/2013	TP. HCM	NAM	
25	NGUYỄN HÀ HẢI	MY	28/10/2013	TP. HCM	NỮ	
26	QUÁCH KIM	NGÂN	08/05/2013	TP. HCM	NỮ	
27	ĐÀM NGỌC	PHÚC	09/12/2013	TP. HCM	NỮ	
28	NGUYỄN THỰC	QUYÊN	30/05/2013	TP. HCM	NỮ	
29	TRƯƠNG NHƯ	QUỲNH	19/05/2013	TP. HCM	NỮ	
30	HUỲNH NGỌC BẢO	THY	21/11/2013	TP. HCM	NỮ	
31	NGUYỄN LƯƠNG PHƯƠNG	UYÊN	22/05/2013	TP. HCM	NỮ	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Trần Sĩ Thy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 4/1
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 15

Họ và tên GVCN: **Lê Thị Ngọc Tuyền**

Bảo mẫu: **Hà Thị Hồng Thắm**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	LÊ MỸ	AN	15/08/2013	TP. HCM	NỮ	
2	LÊ NGUYỄN PHÚC	AN	13/02/2013	TP. HCM	NỮ	
3	NGUYỄN NGỌC LIÊN	AN	09/12/2013	TP. HCM	NỮ	
4	DƯƠNG TUỆ	ANH	04/04/2013	TP. HCM	NỮ	
5	PHAN HUỲNH TUẤN	ANH	28/12/2013	TP. HCM	NAM	
6	HOÀNG THỌ	BÁCH	22/07/2013	TP. HCM	NAM	
7	TRẦN NGUYỄN QUỐC	BẢO	17/11/2013	TP. HCM	NAM	
8	NGUYỄN QUANG	CHÍNH	02/10/2013	TP. HCM	NAM	
9	TỔNG DUY	DANH	22/05/2013	Đồng Tháp	NAM	
10	NGUYỄN HOÀNG BÁCH	DU	12/04/2013	TP. HCM	NAM	
11	NGUYỄN THÁI	DƯƠNG	02/10/2013	TP. HCM	NAM	
12	NGÔ TRUNG	HI	21/07/2013	TP. HCM	NAM	
13	NGUYỄN LÂM	HÙNG	15/10/2013	TP. HCM	NAM	
14	NGUYỄN GIA	HUY	23/06/2013	TP. HCM	NAM	
15	LÊ CẢNH QUỐC	KHÁNH	15/11/2013	TP. HCM	NAM	
16	TRẦN MỸ	LINH	24/09/2013	TP. HCM	NỮ	
17	LÊ ĐẶNG THIÊN	MINH	30/01/2013	TP. HCM	NAM	
18	VÕ TRẦN TRỌNG	NGHĨA	03/06/2013	TP. HCM	NAM	
19	HUỲNH THANH	NGUYỄN	10/02/2013	TP. HCM	NỮ	
20	HUỲNH XUÂN PHÚC	NGUYỄN	28/06/2013	Cần Thơ	NAM	
21	TRẦN LAI HOÀNG	NGUYỄN	24/01/2013	Phú Yên	NỮ	
22	MAI TUỆ	NHÂN	05/10/2013	TP. HCM	NAM	
23	TRẦN THỊNH	PHÁT	27/02/2013	TP. HCM	NAM	
24	PHÙNG HÀO	PHONG	27/03/2013	TP. HCM	NAM	
25	NGUYỄN TRẦN GIA	PHÚC	19/04/2013	TP. HCM	NỮ	
26	VÕ HOÀNG	PHÚC	26/09/2013	TP. HCM	NAM	
27	NGUYỄN MẠNH	QUANG	27/01/2013	TP. HCM	NAM	
28	NGUYỄN HUY	TÂM	15/02/2013	TP. HCM	NAM	
29	HOÀNG PHƯƠNG	THÙY	26/01/2013	TP. HCM	NỮ	
30	PHAN THANH	THÚY	19/07/2013	TP. HCM	NỮ	
31	LƯU NGUYỄN ĐAN	THY	04/03/2013	TP. HCM	NỮ	
32	NGUYỄN LỮ PHÚ	TRỌNG	10/11/2013	TP. HCM	NAM	
33	NGUYỄN HOÀNG CẨM	TÚ	30/09/2013	TP. HCM	NỮ	
34	NGUYỄN NGỌC QUANG	VINH	29/03/2013	TP. HCM	NAM	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
HIM LAM
HIỆU TRƯỞNG
Trần Sĩ Thủy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 3/3
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 09

Họ và tên GVCN: **Trần Hoàng Linh**

Bảo mẫu: **Nguyễn Thị Nguyệt**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	ĐẶNG NGỌC KIM	ANH	24/12/2014	TP. HCM	NỮ	
2	NGUYỄN NGỌC MAI	ANH	30/05/2014	TP. HCM	NỮ	
3	NGÔ VĂN	BÁCH	01/10/2014	TP. HCM	NAM	
4	HỒ THIÊN	BẢO	14/02/2014	TP. HCM	NAM	
5	TRẦN ĐỨC	BẢO	11/12/2014	TP. HCM	NAM	
6	NGUYỄN KHÁNH	DIỆU	30/09/2014	TP. HCM	NỮ	
7	PHAN MẠNH	DŨNG	01/12/2014	TP. HCM	NAM	
8	CHIÊM NHUẬN	HÀO	03/12/2014	TP. HCM	NAM	
9	LÊ NGỌC GIA	HÂN	15/09/2014	TP. HCM	NỮ	
10	PHẠM CÔNG	HIẾU	29/03/2014	TP. HCM	NAM	
11	LƯƠNG AN	KHANG	17/10/2014	TP. HCM	NAM	
12	VŨ GIA	KHANG	31/10/2014	TP. HCM	NAM	
13	PHẠM NGUYỄN BẢO	KHÁNH	19/05/2014	TP. HCM	NAM	
14	TRẦN DUY	KHÁNH	22/05/2014	VĨNH LONG	NAM	
15	TRẦN ĐĂNG	KHOA	18/01/2014	TP. HCM	NAM	
16	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	KIM	25/11/2014	TP. HCM	NỮ	
17	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	LINH	10/07/2014	TP. HCM	NỮ	
18	NGUYỄN NGỌC	MAI	23/01/2014	TP. HCM	NỮ	
19	ĐẶNG HOÀNG	NAM	21/09/2014	HÀ NỘI	NAM	
20	NGUYỄN KIM	NGÂN	16/01/2014	NGHỆ AN	NỮ	
21	NGUYỄN HOÀNG	NGỌC	18/10/2014	TP. HCM	NỮ	
22	TRẦN MAI ÁNH	NGỌC	10/10/2014	QUẢNG NGÃI	NỮ	
23	VĂN LÂM	NGỌC	11/05/2014	TP. HCM	NAM	
24	TRẦN PHƯƠNG BẢO	NHƯ	12/05/2014	TP. HCM	NỮ	
25	VĂN KHAI	PHONG	27/01/2014	TP. HCM	NAM	
26	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	22/07/2014	TP. HCM	NAM	
27	TRẦN NGỌC	QUÝ	26/04/2014	TP. HCM	NAM	
28	LÊ THANH	THẢO	26/04/2014	TP. HCM	NỮ	
29	NGUYỄN THÁI HỮU	THỊNH	06/12/2014	TP. HCM	NAM	
30	NGUYỄN QUỲNH	THƯ	27/11/2014	TP. HCM	NAM	
31	NGUYỄN HOÀNG MINH	TRÂN	29/07/2014	TP. HCM	NỮ	
32	NGUYỄN NGỌC THẢO	VY	28/06/2014	TP. HCM	NỮ	
33	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	21/11/2014	TP. HCM	NỮ	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG
Trần Sĩ Thủy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 3/2
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 07

Họ và tên GVCN: Nguyễn Thị Thu Vân

Bảo mẫu: Dương Anh Thư

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	NGUYỄN NGỌC THÁI	AN	30/06/2014	TP.HCM	NỮ	
2	PHẠM NGỌC	AN	17/09/2014	TP.HCM	NỮ	
3	TRẦN ĐOÀN GIA	AN	03/09/2014	TP.HCM	NỮ	
4	VÕ HUỠNH PHÚC	AN	21/01/2014	TP.HCM	NỮ	
5	LÝ MINH	ANH	20/09/2014	TP.HCM	NỮ	
6	NGUYỄN CHÍ ANH	ANH	05/03/2014	TP.HCM	NAM	
7	ĐẶNG QUỐC	BẢO	03/05/2014	TP.HCM	NAM	
8	KAM GIA	BẢO	22/04/2014	TP.HCM	NAM	
9	NGUYỄN HOÀNG	BẢO	10/09/2014	TP.HCM	NAM	
10	PHẠM HOÀI	BẢO	25/05/2014	TP.HCM	NAM	
11	TRẦN TRUNG	DŨNG	02/09/2014	TP.HCM	NAM	
12	HUỠNH KIM	HÀO	17/05/2014	TP.HCM	NAM	
13	LÂM MINH	HÀO	10/04/2014	TP.HCM	NAM	
14	TRẦN GIA	HUY	03/06/2014	TP.HCM	NAM	
15	TRẦN NGUYỄN GIA	HUY	04/12/2014	TP.HCM	NAM	
16	LÊ ĐĂNG	KHÔI	30/12/2014	TP.HCM	NAM	
17	THÁI NHÃ	LY	02/08/2014	TP.HCM	NỮ	
18	TẠ TIẾN	MINH	25/11/2014	TP.HCM	NAM	
19	NGUYỄN HOÀNG KIM	NGÂN	15/12/2014	TP.HCM	NỮ	
20	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	NGHI	18/10/2014	TP.HCM	NỮ	
21	NGÔ QUỐC HOÀNG	NGHĨA	20/12/2014	TP.HCM	NAM	
22	NGUYỄN LÊ GIA	NGHĨA	11/04/2014	ĐỒNG THÁP	NAM	
23	THẠCH HỒNG BẢO	NGỌC	17/03/2014	TP.HCM	NỮ	
24	MÃN PHƯƠNG	NHI	06/08/2014	TP.HCM	NỮ	
25	TỪ AN	NHIÊN	09/06/2014	TP.HCM	NỮ	
26	HUỠNH HÀ	PHƯƠNG	03/04/2014	TP.HCM	NỮ	
27	LA NGỌC KHÁNH	QUỲNH	07/11/2014	TP.HCM	NỮ	
28	TRẦN PHÚ	THÀNH	21/08/2014	CH SÉC	NAM	
29	VŨ THỊ PHƯƠNG	THẢO	16/11/2014	TP.HCM	NỮ	
30	LÝ MINH	THU	20/04/2014	TP.HCM	NỮ	
31	ĐẶNG MINH	THI	31/03/2014	TP.HCM	NỮ	
32	PHÙNG XUÂN	TUÂN	24/04/2014	TP.HCM	NAM	
33	HUỠNH ĐẶNG KIẾN	VĂN	19/01/2014	TP.HCM	NAM	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022



Trần Sĩ Thủy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 3/1
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 08

Họ và tên GVCN: **Hồ Văn Đuật**

Bảo mẫu: **Ngô Thị Hằng**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	LÂM LAN	ANH	01/09/2014	TP.HCM	NỮ	
2	NGUYỄN HOÀNG	BÁCH	13/12/2014	TP.HCM	NAM	
3	NGUYỄN NGỌC MINH	ĐĂNG	31/05/2014	TP.HCM	NAM	
4	NGUYỄN NGỌC THẢO	HÂN	01/05/2014	TP.HCM	NỮ	
5	TRẦN GIA	HÂN	17/01/2014	TP.HCM	NỮ	
6	NGUYỄN QUỐC	HUY	11/07/2014	TP.HCM	NAM	
7	LÝ GIA	HÙNG	12/06/2014	TP.HCM	NAM	
8	HUỖNH SỸ	KHIÊM	19/10/2014	TP.HCM	NAM	
9	ĐỖ PHÚ	KHOA	11/08/2014	TP.HCM	NAM	
10	NGUYỄN VŨ MINH	KHUÊ	12/02/2014	TP.HCM	NỮ	
11	PHAN NGUYỄN NGỌC	KHUÊ	11/08/2014	TP.HCM	NỮ	
12	NGUYỄN TẤN	KIỆT	08/08/2014	TP.HCM	NAM	
13	NGUYỄN NGUYỄN THIÊN	KIM	09/06/2014	TP.HCM	NỮ	
14	ĐỖ PHÚC	LÂM	11/08/2014	TP.HCM	NAM	
15	TRỊNH KHÁNH	LINH	04/10/2014	TP.HCM	NỮ	
16	NGUYỄN NGỌC HẢI	MY	18/05/2014	TP.HCM	NỮ	
17	VÕ NGỌC PHƯƠNG	NGHI	16/03/2014	TP.HCM	NỮ	
18	HUỖNH THÁI	NGỌC	15/12/2014	TP.HCM	NỮ	
19	NGUYỄN BẢO	NGỌC	28/01/2014	TP.HCM	NỮ	
20	HUỖNH KHÔI	NGUYỄN	01/09/2014	TP.HCM	NAM	
21	TRƯƠNG HUỖNH AN	NGUYỄN	27/11/2014	TP.HCM	NAM	
22	TRẦN THÀNH	NHÂN	11/02/2014	ĐẮKLẮK	NAM	
23	LÊ ĐOÀN TUỆ	NHI	02/04/2014	TP.HCM	NỮ	
24	HÀ NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	25/02/2014	TP.HCM	NỮ	
25	CAO SĨ	PHÚC	21/07/2014	TP.HCM	NAM	
26	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	QUỲNH	22/12/2014	TP.HCM	NỮ	
27	PHẠM VÕ THÀNH	TÀI	05/04/2014	TP.HCM	NAM	
28	VŨ MINH	THUẬN	15/01/2014	TP.HCM	NAM	
29	LÊ NGỌC MINH	THƯ	26/01/2014	TP.HCM	NỮ	
30	PHƯƠNG NHÃ	THƯ	08/03/2014	TP.HCM	NỮ	
31	LÃ NGỌC	TỶ	17/09/2014	TP.HCM	NAM	
32	NGUYỄN HOÀNG MỸ	Ý	10/04/2014	TP.HCM	NỮ	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022



Trần Sĩ Thy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 2/4
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 05

Họ và tên GVCN: **Trần Thị Cẩm Thu**

Bảo mẫu: **Trần Thị Kim Ngọc**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	HOÀNG ĐỨC	ANH	22/12/2015	TP.HCM	NAM	
2	PHAN MINH	ANH	27/04/2015	TP.HCM	NỮ	
3	PHAN THIÊN	ANH	27/12/2015	TP.HCM	NỮ	
4	HUỖNH GIA	ÂN	29/01/2015	TP.HCM	NAM	
5	SƠN HOÀNG	CHÂU	27/10/2015	TP.HCM	NỮ	
6	NGUYỄN TRÍ	DŨNG	21/12/2015	TP.HCM	NAM	
7	VĂN MINH	ĐẠT	25/06/2015	TP.HCM	NAM	
8	MAI TUẤN	HÀO	05/11/2015	TP.HCM	NAM	
9	LÊ HUỖNH GIA	HÂN	26/08/2015	TP.HCM	NỮ	
10	NGUYỄN HÀ GIA	HÂN	25/05/2015	TP.HCM	NỮ	
11	TRẦN NGUYỄN HUY	HOÀNG	05/12/2015	TP.HCM	NAM	
12	NGUYỄN GIA	HUY	01/12/2015	TP.HCM	NAM	
13	PHAN NGỌC THIÊN	HƯƠNG	23/11/2015	TP.HCM	NỮ	
14	HUỖNH GIA	KHANG	27/01/2015	TP.HCM	NAM	
15	TRẦN AN NGUYỄN	KHANG	27/05/2015	TP.HCM	NAM	
16	NGUYỄN TẤN	LƯỢNG	10/02/2015	TP.HCM	NAM	
17	NGUYỄN NGỌC KIM	NGÂN	30/07/2015	TP.HCM	NỮ	
18	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	NGHI	06/08/2015	TP.HCM	NỮ	
19	HUỖNH KHÁNH	NGỌC	25/01/2015	KHÁNH HOÀ	NỮ	
20	WONG NGUYỄN THÚY	NGỌC	18/05/2015	TP.HCM	NỮ	
21	NGUYỄN HẢI	NGUYỄN	03/10/2015	TP.HCM	NAM	
22	LÊ ĐẶNG HỒNG	NHẬT	02/12/2015	TP.HCM	NAM	
23	LÊ HOÀNG ĐẠI	NHẬT	08/03/2015	TP.HCM	NAM	
24	LÊ NGỌC HOÀNG	PHÁT	07/05/2015	TP.HCM	NAM	
25	NGUYỄN TẤN	PHÁT	10/02/2015	TP.HCM	NAM	
26	WONG NGUYỄN THÀNH	QUÝ	18/05/2015	TP.HCM	NAM	
27	LÊ PHÚC	THỊNH	27/01/2015	TP.HCM	NAM	
28	NGUYỄN HẢI	TRIỀU	12/12/2015	TP.HCM	NAM	
29	NGUYỄN THANH	TRÚC	25/06/2015	TP.HCM	NỮ	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Trần Sĩ Thy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 2/3
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 13

Họ và tên GVCN: **Quang Mỹ Ngọc**

Bảo mẫu: **Hồ Minh Hương**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	LÊ NGUYỄN CÁT	AN	23/04/2015	TP.HCM	NỮ	
2	NGUYỄN CHÂU TRÂM	ANH	07/07/2015	TP.HCM	NỮ	
3	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	23/10/2015	TP.HCM	NAM	
4	NGÔ NGUYỄN LONG	ĐỊNH	05/06/2015	TP.HCM	NAM	
5	BÙI THANH	GIANG	24/06/2015	TP.HCM	NỮ	
6	HUỲNH QUỐC	HUY	28/07/2015	TP.HCM	NAM	
7	VÕ MINH	HUY	28/09/2015	TP.HCM	NAM	
8	ĐOÀN LÊ HUY	KHÁNH	25/10/2015	TP.HCM	NAM	
9	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	10/09/2015	TP.HCM	NAM	
10	ĐẶNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	02/12/2015	TP.HCM	NỮ	
11	BÙI NGỌC KHẢ	NGÂN	28/05/2015	TP.HCM	NỮ	
12	NGUYỄN VŨ KIM	NGÂN	30/12/2015	TP.HCM	NỮ	
13	TRẦN MINH	NGỌC	23/09/2015	TP.HCM	NỮ	
14	TRẦN KHẢI	NGUYỄN	30/01/2015	TP.HCM	NAM	
15	VÕ NGUYỄN THẢO	NHI	10/08/2015	TP.HCM	NỮ	
16	VŨ LÊ QUỲNH	NHƯ	23/03/2015	TP.HCM	NỮ	
17	PHAN TÂN	PHÁT	04/10/2015	TP.HCM	NAM	
18	ĐỖ TRỌNG	PHÚC	14/11/2015	TP.HCM	NAM	
19	LÊ ĐẶNG TRƯỜNG	PHÚC	16/03/2015	TP.HCM	NAM	
20	MAI HOÀNG	QUÂN	20/11/2015	TP.HCM	NAM	
21	TRỊNH TUỆ	SAN	08/09/2015	TP.HCM	NỮ	
22	CHEN NGUỒN	TÂM	23/05/2015	TP.HCM	NỮ	
23	NGUYỄN THU	THẢO	26/08/2015	TP.HCM	NỮ	
24	NGUYỄN PHẠM NHẢ	THƯ	07/04/2015	TP.HCM	NỮ	
25	LÊ NGUYỄN BẢO	TRÂN	15/11/2015	TP.HCM	NỮ	
26	LÊ ĐỨC	TRÍ	25/06/2015	TP.HCM	NAM	
27	LÂM MINH	TIẾN	07/12/2015	TP.HCM	NAM	
28	LÂM MINH	TUYẾT	07/12/2015	TP.HCM	NỮ	
29	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	16/05/2015	TT HUẾ	NỮ	
30	NGUYỄN LONG	VŨ	12/05/2015	TP.HCM	NAM	
31	LÊ NHẬT	VY	24/03/2015	TP.HCM	NỮ	
32	NGUYỄN CAO THUỶ	VY	04/11/2015	TP.HCM	NỮ	
33	NGUYỄN THÁI AN	VY	24/11/2015	TP.HCM	NỮ	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Trần Sĩ Thy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 2/2
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 12

Họ và tên GVCN: **Nguyễn Thị Tuyết Nga**

Bảo mẫu: **Nguyễn Thị Bích Thu**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	LÊ NGUYỄN KHÁNH	AN	26/07/2015	TP.HCM	NỮ	
2	NGÔ BẢO	ANH	07/05/2015	TP.HCM	NAM	
3	TRẦN KỶ	ÂN	05/12/2015	TP.HCM	NAM	
4	HOÀNG GIA	BẢO	25/03/2015	TP.HCM	NAM	
5	PHẠM ANH	DUY	05/07/2015	TP.HCM	NAM	
6	NGUYỄN THỊ KHÁNH	DƯƠNG	25/06/2015	TP.HCM	NỮ	
7	ĐINH KHÁNH	HÂN	18/12/2015	TP.HCM	NỮ	
8	NGUYỄN QUANG	HUNG	05/01/2015	TP.HCM	NAM	
9	VÕ HỮU	HUNG	07/11/2015	TP.HCM	NAM	
10	HUỖNH ĐÀO CHÁNH	HIỆP	03/11/2015	TP.HCM	NAM	
11	NGUYỄN ANH	KHÔI	02/05/2015	TP.HCM	NAM	
12	NGUYỄN BÁ	KHÔI	11/10/2015	TP.HCM	NAM	
13	NGÔ ANH	KIỆT	04/04/2015	TP.HCM	NAM	
14	VĂN THIÊN	LAM	02/12/2015	TP.HCM	NỮ	
15	ĐẶNG CHÍ	MINH	06/12/2015	TP.HCM	NAM	
16	HOÀNG NHẬT	MINH	26/08/2015	TP.HCM	NAM	
17	KHÔNG DUY NHẬT	MINH	26/11/2015	TP.HCM	NAM	
18	VŨ LÊ HOÀNG	MINH	28/03/2015	TP.HCM	NAM	
19	ĐOÀN HUỖNH KHÁNH	MY	16/11/2015	TP.HCM	NỮ	
20	LÊ NGUYỄN BẢO	NGỌC	03/02/2015	TP.HCM	NỮ	
21	ĐỖ KHẮC THUỶ	NHÂN	12/08/2015	TP.HCM	NỮ	
22	VŨ DUY THÀNH	NHÂN	15/08/2015	TP.HCM	NAM	
23	DƯƠNG TUỆ	NHI	28/07/2015	TP.HCM	NỮ	
24	TRỊNH THẢO	NHI	04/02/2015	TP.HCM	NỮ	
25	LÊ TRẦN HOÀNG	PHÚC	08/01/2015	TT HUẾ	NAM	
26	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	14/10/2015	TP.HCM	NAM	
27	LÊ	SANG	07/11/2015	TP.HCM	NAM	
28	NGUYỄN HỒ TÂN	TRIỆU	18/12/2015	TP.HCM	NAM	
29	NGUYỄN HÀ ANH	TUẤN	08/01/2015	TP.HCM	NAM	
30	TRẦN QUANG	VINH	21/10/2015	TP.HCM	NAM	
31	NGUYỄN CÁT TUỜNG	VY	30/01/2015	TP.HCM	NỮ	
32	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	VY	28/11/2015	TP.HCM	NỮ	

Quận 6, ngày 12 tháng 8 năm 2022

TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
HIM LAM
Trần Sĩ Thủy

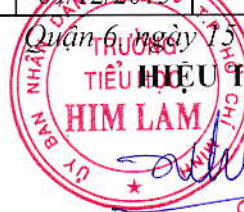
DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 2/1
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 11

Họ và tên GVCN: **Trần Thị Kim Uyên**

Bảo mẫu: **Trần Thị Lệ Uyên**

STT	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	MAI THANH BÌNH	AN	05/02/2015	TP.HCM	NỮ	
2	DƯƠNG BẢO	ANH	08/03/2015	TP.HCM	NỮ	
3	NGUYỄN LƯƠNG TÙNG	ANH	01/09/2015	TP.HCM	NAM	
4	NGUYỄN NGỌC BẢO	ANH	13/03/2015	TP.HCM	NỮ	
5	LÊ VŨ HOÀI	BẮC	27/07/2015	TP.HCM	NAM	
6	ĐINH NGUYỄN DIỆU	CHI	12/02/2015	TP.HCM	NỮ	
7	NGUYỄN ĐÔNG	DANH	11/09/2015	TP.HCM	NỮ	
8	LÊ NGỌC KHẢ	DI	07/11/2015	TP.HCM	NỮ	
9	ĐINH NGUYỄN ANH	DĨNH	18/10/2015	TP.HCM	NAM	
10	NGUYỄN NGỌC LINH	ĐAN	12/01/2015	TP.HCM	NỮ	
11	PHẠM LINH	ĐAN	06/06/2015	TP.HCM	NỮ	
12	VŨ ANH	ĐÀO	15/04/2015	TP.HCM	NỮ	
13	ĐOÀN NGUYỄN TIỀN	ĐẠT	17/12/2015	TP.HCM	NAM	
14	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	09/01/2015	TP.HCM	NAM	
15	VŨ TRẦN KHẢ	HÂN	25/12/2015	TP.HCM	NỮ	
16	TRẦN KIM	KHÁNH	28/04/2015	TP.HCM	NỮ	
17	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	09/08/2015	TP.HCM	NAM	
18	NGUYỄN THUỶ	LÂM	05/02/2015	TP.HCM	NỮ	
19	TRẦN CỬ XUÂN	LINH	12/11/2015	TP.HCM	NỮ	
20	LÊ NGUYỄN NHẬT	NAM	15/12/2015	TP.HCM	NAM	
21	NGUYỄN KHÁNH	NAM	14/09/2015	TP.HCM	NAM	
22	PHẠM THIÊN	NAM	04/11/2015	TP.HCM	NAM	
23	HOÀNG NGỌC GIA	NGHI	12/08/2015	TP.HCM	NỮ	
24	TỬ BẢO	NGHI	14/05/2015	TP.HCM	NỮ	
25	NGUYỄN YẾN	NHI	11/01/2015	TP.HCM	NỮ	
26	TRƯƠNG NGUYỄN QUỲNH	NHI	26/12/2015	TP.HCM	NỮ	
27	TRIỆU NHẬT	PHÚ	09/12/2015	TP.HCM	NAM	
28	NGUYỄN VĨNH	PHÚC	04/09/2015	TP.HCM	NAM	
29	NGUYỄN ĐẶNG NHƯ	QUỲNH	17/11/2015	TP.HCM	NỮ	
30	HUỶNH BẢO	SƠN	18/04/2015	TP.HCM	NAM	
31	NGUYỄN PHÚC MINH	TÂM	20/07/2015	TP.HCM	NAM	
32	TRẦN NGUYỄN	THẢO	09/02/2015	TP.HCM	NỮ	
33	HÀ THỊ NGUYỄN	THẢO	20/06/2014	TP.HCM	NỮ	
34	TRƯƠNG THANH	TRÚC	09/12/2015	TP.HCM	NỮ	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022



Trần Sĩ Thy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1/4
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**

Phòng học số: 04

Họ và tên GVCN: Nguyễn Thị Thuý Diễm

Bảo mẫu: Hồ Thị Na

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	VÕ THÁI	AN	14/12/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
2	NGUYỄN HẢI	ANH	15/06/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
3	NHAN PHÚC	ĐẠT	07/11/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
4	TRẦN NGUYỄN GIA	ĐẠT	24/08/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
5	VÕ THÀNH	ĐẠT	12/06/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
6	PHẠM CAO TIẾN	DŨNG	10/05/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
7	ĐÀO THỊ NGỌC	HÂN	17/05/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
8	ĐỒNG KHẢ	HÂN	30/12/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
9	NGUYỄN QUỐC	HUY	06/07/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
10	NGUYỄN THẾ	KHẢI	22/11/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
11	NGUYỄN MINH	KHẢI	15/07/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
12	HUỲNH KIẾN	KHANG	06/09/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
13	TÙ LIÊU HOÀNG	LÂM	13/03/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
14	ĐỖ TRÚC	MAI	03/09/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
15	CHUNG KHÁNH	MAI	31/05/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
16	TRẦN GIA	MỸ	10/03/2016		1/4	
17	TRỊNH BẢO	NGÂN	22/12/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
18	QUÁCH KIM	NGÂN	13/05/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
19	TRẦN GIA	NGHI	10/05/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
20	LÝ TRỌNG	NGHĨA	05/11/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
21	LÊ NGUYỄN KHÔI	NGUYỄN	23/11/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
22	PHẠM ĐĂNG	NGUYỄN	18/10/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
23	MAI NGỌC TUYẾT	NHI	05/04/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
24	HỒ NGỌC AN	NHIÊN	29/02/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
25	DƯƠNG THIÊN	PHÚC	31/10/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
26	NGUYỄN CAO	PHÚC	19/10/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
27	LƯU TRỌNG	PHƯỚC	17/05/2016	Tỉnh Bình Định	Nam	
28	ĐẶNG HOÀNG	PHƯƠNG	13/02/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
29	NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	07/02/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
30	LÊ ĐỖ HÀ	PHƯƠNG	21/04/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
31	LÊ VINH	QUANG	05/04/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
32	NGÔ MINH	TÂM	25/11/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
33	LÂM MINH	THƯ	19/06/2016	Tỉnh Kiên Giang	Nữ	
34	NGUYỄN TẤN	VỸ	21/07/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
35	TRẦN NGỌC NHƯ	Ý	16/02/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022



HIỆP TRƯỞNG

Trần Sĩ Thủy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1/3
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 03

Họ và tên GVCN: **Trương Thị Đào**

Bảo mẫu: **Phạm Thị Hồng Ngọc**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	NGUYỄN MỘC	DI	20/05/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
2	TRẦN PHƯƠNG	DIỀN	05/09/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
3	HOÀNG CAO KỶ	DUYÊN	04/09/2016	Thành phố Hà Nội	Nữ	
4	TRẦN ÁNH	DUYÊN	21/10/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
5	TRẦN BẢO	HÂN	09/02/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
6	HUỲNH KHẢ	HÂN	29/12/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
7	ĐỖ LÂM	HOA	30/04/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
8	LÊ MINH	HUY	06/05/2016	Tỉnh Sóc Trăng	Nam	
9	ĐỖ PHÚC	KHANG	05/02/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
10	NGUYỄN	KHƯƠNG	11/11/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
11	NGUYỄN HOÀNG THỰC	LINH	11/11/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
12	ĐỖ VÕ LÊ	MIA	10/10/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
13	NGUYỄN NHẬT	NAM	16/01/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
14	NGÔ NGUYỄN BẢO	NGỌC	23/12/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
15	HOÀNG MINH	NGỌC	20/08/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
16	LƯƠNG THÀNH	NHÂN	11/07/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
17	TRẦN CÁT	NHI	27/03/2016	Tỉnh Bình Định	Nữ	
18	TÔ KHẢ	NHIÊN	18/08/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
19	TRƯƠNG THỊ HỒNG	NHUNG	07/01/2016	Tỉnh Thái Nguyên	Nữ	
20	LÊ THIÊN	PHÚ	11/11/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
21	PHAN HUỲNH NHÃ	PHƯƠNG	02/06/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
22	NGUYỄN NGỌC	QUÝ	17/08/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
23	NGUYỄN THANH THẢO	QUYÊN	08/04/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
24	HUỲNH TRÍ	THẮNG	05/01/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
25	NGUYỄN THỊ HUYỀN	THƯ	16/01/2016	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	
26	LÊ NGỌC BẢO	THY	04/02/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
27	NGUYỄN HOÀNG BẢO	THY	26/12/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
28	NGUYỄN HOÀNG	TIÊN	12/09/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
29	NGUYỄN BÍCH	TRÂM	05/01/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
30	NGUYỄN VĂN	TRÍ	06/06/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
31	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	27/09/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
32	TRƯƠNG CẨM	TÚ	26/12/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
33	NGUYỄN CÔNG	TUẤN	20/09/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
34	VŨ TRẦN HÀ	VÂN	05/11/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
35	NGUYỄN PHÚC BẢO	VINH	15/11/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022

TRƯỞNG

TIỂU HỌC

HIM LAM

Trần Sĩ Thủy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1/2
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 02

Họ và tên GVCN: **Đào Ngọc Phượng**

Bảo mẫu: **Đặng Kim Phượng**

Stt	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	HUỲNH NGỌC HÒA	AN	16/07/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
2	PHẠM VÕ NHƯ	ANH	04/02/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
3	NGÔ BẢO	ANH	19/05/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
4	TRƯƠNG DIỆP	ANH	02/12/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
5	DƯƠNG GIA	BẢO	26/04/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
6	NGÔ MINH	BẢO	04/12/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
7	PHAN PHẠM HẢI	ĐĂNG	08/04/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
8	NGUYỄN PHÚ	DANH	19/10/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
9	HUỲNH KHÁNH	ĐẠT	09/09/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
10	PHÙNG VÂN	HÀ	27/03/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
11	PHÙNG NGÂN	HÀ	27/03/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
12	ĐOÀI NGỌC GIA	HY	26/12/2016	Tỉnh Bình Dương	Nam	
13	KAM GIA	KHÁNH	31/01/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
14	TRẦN NAM	KHÁNH	28/04/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
15	PHẠM XUÂN ĐĂNG	KHOA	26/04/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
16	LÂM HÀ ANH	KHOA	26/09/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
17	NGUYỄN HÀ	LINH	09/10/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
18	PHAN XUÂN	LỘC	03/08/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
19	PHẠM PHÚC	LỘC	21/06/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
20	NGUYỄN HOÀNG MINH	LONG	13/03/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
21	NGUYỄN LONG NHẬT	MINH	01/08/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
23	VÕ HÀ	NGÂN	06/10/2016	Thành phố Hà Nội	Nữ	
24	NGUYỄN THÁI BẢO	NGHI	22/02/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
25	NGUYỄN HOÀNG MINH	NGỌC	14/01/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
26	TÔ QUANG	NHÂN	07/05/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
27	PHẠM GIA	PHÁT	07/11/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
28	DƯ GIA	PHÚ	02/12/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
29	NGUYỄN ĐĂNG	PHÚC	18/08/2016	Tỉnh Lâm Đồng	Nam	
30	NGUYỄN BÌNH	PHƯƠNG	01/07/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
31	NGUYỄN TRẦN ANH	THU	03/07/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
32	NGUYỄN ĐÀO THU	TRÀ	20/03/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
33	LÊ VŨ MINH	TRIẾT	23/10/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
34	TRẦN ĐOÀN	TRUNG	13/05/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
35	TRẦN MỸ	UYÊN	12/09/2016	CH Séc	Nữ	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Trần Sĩ Thy

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1/1
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG **NĂM HỌC 2022 - 2023**
Phòng học số: 01

Họ và tên GVCN: **Đỗ Hồng Hạnh**

Bảo mẫu: **Phạm Thị Thu**

STT	Họ và chữ lót	Tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ghi chú
1	NGÔ NGỌC THIÊN	ÂN	14/09/2016	Tỉnh Quảng Ngãi	Nam	
2	NGUYỄN HOÀI NHẬT	ANH	14/04/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
3	LÊ TRỌNG	ANH	02/08/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
4	LÊ NGỌC THẢO	ANH	16/05/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
5	DƯƠNG TUỆ	DOANH	25/10/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
6	DOÃN MINH	DỪNG	03/02/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
7	LÊ HOÀNG	GIA	09/10/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
8	NGUYỄN HOÀNG BẢO	HÂN	11/02/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
9	LÊ PHẠM GIA	HÂN	22/03/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
10	VÕ ĐÌNH	HOÀNG	04/05/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
11	NGÔ VÕ MINH	HUY	09/09/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
12	LÊ TUẤN	KHANG	18/09/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
13	NGUYỄN LÂM GIA	LINH	25/09/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
14	DƯƠNG ĐỨC	MẠNH	28/10/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
15	TRẦN NHẬT	MINH	26/11/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
16	NGUYỄN TƯỜNG	MINH	31/03/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
17	NGUYỄN LÊ THẢO	MY	29/01/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
18	CHIÊM VỊNH	NGHI	07/04/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
19	LÊ MINH	NGỌC	15/01/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
20	NGUYỄN MINH BẢO	NGỌC	05/07/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
21	VÕ NGỌC HẢI	NGUYỄN	23/02/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
22	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	08/11/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
23	ĐẶNG XUÂN	PHÁT	24/02/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
24	NGUYỄN THÀNH	PHONG	16/11/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
25	PHẠM VŨ	PHÚC	18/12/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
26	PHẠM LÊ HẠNH	PHÚC	19/01/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
27	NGUYỄN HY	PHƯƠNG	23/03/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
28	LÊ TẤN	SANG	03/05/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
29	TRẦN BẢO	SƠN	26/01/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
30	ĐẶNG MINH	THUY	03/10/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
31	NGUYỄN LÊ HƯƠNG	TRÀ	04/10/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	
32	PHAN NGUYỄN HỮU	TRÍ	17/05/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
33	ĐẶNG MINH	TRƯỜNG	05/03/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
34	VŨ QUANG	VINH	03/12/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	
35	PHẠM THANH	XUÂN	27/03/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	

Quận 6, ngày 15 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG
HİM LAM
Trần Sĩ Thy